

Số: /TTr-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH**Chính sách của Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi)**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Bộ Y tế kính trình Chính phủ chính sách của Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Sau 15 năm thực hiện, Luật An toàn thực phẩm năm 2010 (sau đây gọi tắt là ATTP) đã đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về thực phẩm. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay triển khai cho thấy một số quy định của Luật ATTP đã không còn phù hợp yêu cầu quản lý, tạo ra một số vướng mắc, khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng. Vì vậy, việc xây dựng chính sách của Luật ATTP (sửa đổi) để phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh trong thực tiễn là rất cần thiết.

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, trong đó giao Bộ Y tế “hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc”.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong nhiệm vụ cụ thể có nội dung: “Bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo”.

- Chỉ thị số 17/CT-TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới với quan điểm chỉ đạo: (1) Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm; các nguyên tắc, chế tài xử lý vi phạm an ninh, an toàn thực phẩm, sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hóa chất không rõ nguồn gốc trong tất cả các khâu, từ nguyên liệu đến

sản xuất, chế biến, kinh doanh, bảo quản thực phẩm; xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm nghiệm, bảo đảm truy xuất rõ nguồn gốc. Khuyến khích đầu tư kết cấu hạ tầng và phát triển các mô hình sản xuất, chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn; có chính sách hỗ trợ hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng chuỗi thực phẩm an toàn. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Nâng cao năng lực phòng ngừa, chủ động xử lý ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm; (2) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm; (3) Xây dựng các chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng; ưu tiên phát triển các vùng chuyên canh, sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn. Kiểm soát an toàn thực phẩm ngay từ yếu tố đầu vào trong sản xuất, kinh doanh; liên kết với các chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, bảo đảm người dân được tiếp cận và sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, bền vững. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới logistics, bảo quản, chế biến, thương mại điện tử ở nông thôn. Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ưu tiên cung cấp tín dụng cho các hộ sản xuất thực phẩm an toàn, nhất là các hộ nghèo và đối tượng chính sách. Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất nông nghiệp và chế biến thực phẩm. Khuyến khích, hỗ trợ hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm ứng dụng công nghệ cao và kết nối chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm và (4) cần sớm kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm từ trung ương tới địa phương. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của các ngành trong bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm. Thực hiện phân cấp, phân quyền, đổi mới phương thức quản lý, điều hành, phối hợp, bảo đảm khoa học, chặt chẽ, hiệu quả; khắc phục tình trạng chồng chéo, buông lỏng quản lý công tác bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm.

- Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới với quan điểm chỉ đạo: “Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm; tăng cường công tác hậu kiểm, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kể cả về hình sự các tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng các quy định về an toàn thực phẩm, gây ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân lơ là, thiếu trách nhiệm trong quản lý an toàn thực phẩm”.

- Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó yêu cầu Bộ Y tế: nghiên cứu, rà soát Luật ATTP.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với quan điểm chỉ đạo: *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ”*.

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025 với quan điểm chỉ đạo: *“Nâng cao chất lượng xây dựng chính sách, pháp luật; trong đó tập trung vào tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế. Sửa đổi đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm các quy định, thủ tục hành chính đơn giản, giảm gánh nặng tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.”*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân với quan điểm chỉ đạo: *“Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi cá nhân, những thiếu sót của cán bộ, công chức; đồng thời, có cơ chế miễn trừ trách nhiệm đối với trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan, không trục lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhưng có thiệt hại do rủi ro khách quan.”*

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị với quan điểm chỉ đạo: *“Cơ chế, chính sách, chế độ đãi ngộ chưa đủ mạnh để huy động các nguồn lực cho phát triển y tế. Một số vụ việc vi phạm pháp luật, lạm dụng, trục lợi trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, dược và thực phẩm gây bức xúc trong dư luận xã hội” và “Nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng môi trường sống, học tập, làm việc, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế, chất lượng dịch vụ y tế”*.

- Nghị quyết số 119/2026/UBTVQH15 ngày 06/02/2026 về Điều chỉnh chương trình lập pháp của năm 2026, trong đó: *“Bổ sung dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) vào Chương trình lập pháp năm 2026 trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI”*.

- Thông báo số 15/TB/BCĐTW ngày 17/3/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp quý I/2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo, trong đó có nội dung: *“Tập trung nguồn lực sửa đổi, bổ sung*

Luật An toàn thực phẩm, khẩn trương trình Quốc hội khóa XVI thông qua, đáp ứng yêu cầu cấp bách để phát triển, mục tiêu là xây dựng khung pháp lý để quản lý an toàn thực phẩm hiện đại, đồng bộ, hiệu lực và hiệu quả; chuyển mạnh tư duy quản lý an toàn thực phẩm từ “kiểm soát từng khâu riêng lẻ” sang “quản lý toàn bộ chuỗi giá trị thực phẩm”, bảo đảm quản lý chặt chẽ từ sản xuất, chế biến, lưu thông cho đến tiêu dùng thực phẩm; khắc phục tình trạng quản lý phân tán, chồng chéo; nâng cao năng lực phòng ngừa rủi ro và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn thực phẩm; vừa bảo vệ sức khỏe Nhân dân vừa thúc đẩy phát triển sản xuất thực phẩm sạch, an toàn, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng thực phẩm toàn cầu. Quá trình sửa đổi, bổ sung Luật An toàn thực phẩm và các quy định khác về an toàn thực phẩm có sự tham gia đầy đủ của các cơ quan, tổ chức, hiệp hội, ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp; bảo đảm đầy đủ, sẵn sàng các điều kiện vật chất, kỹ thuật, nhân lực... để tổ chức thực thi pháp luật; Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo triển khai chủ trương hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối từ trung ương đến địa phương; xây dựng đề án cụ thể trình Bộ Chính trị trong tháng 4/2026.

2. Cơ sở thực tiễn

- Quy định các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường không phù hợp với phương thức quản lý về an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, đối với thực phẩm là nhóm sản phẩm đặc biệt với sự đa dạng về hình thức và thể loại, không chỉ cơ quan quản lý ở Việt Nam mà cả quốc tế như Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (CODEX) cũng không thể ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn cho tất cả các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn mà chỉ ban hành được tiêu chuẩn kỹ thuật đối với một số phân nhóm đặc thù trong thực phẩm như sữa, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt v.v... Vì vậy, việc bắt buộc công bố hợp quy đối với tất cả thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn là không khả thi.

- Quy định “Thực phẩm chức năng lần đầu tiên ra thị trường” phải có báo cáo hiệu quả công dụng, tuy nhiên thực tiễn rất khó xác định thế nào là “lần đầu tiên đưa ra thị trường”;

- Các cơ sở sản xuất nhóm thực phẩm nguy cơ cần giám sát chặt chẽ như: thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung hiện nay chưa có quy định bắt buộc áp dụng Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) hoặc Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000 hoặc Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS) hoặc Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC) hoặc Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc chứng nhận tương đương. Tại khoản 4 Điều 4 Luật An toàn thực phẩm chỉ quy định: Thiết lập khuôn khổ pháp lý và tổ chức thực hiện lộ trình bắt buộc áp dụng hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), Thực hành vệ sinh tốt (GHP), Phân tích nguy cơ và kiểm soát điểm

tới hạn (HACCP) và các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Chưa quy định đầy đủ việc thu hồi các giấy phép trong lĩnh vực an toàn thực phẩm đặc biệt trong trường hợp kẻ cả hồ sơ công bố sản phẩm dựa trên hồ sơ, giấy tờ giả mạo, không trung thực và hàng giả, hàng chứa chất cấm cũng như chưa có quy định kết nối liên thông dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành để quản lý trực tuyến việc đăng ký lưu hành, công bố, công bố tiêu chuẩn áp dụng, xuất khẩu, nhập khẩu và truy xuất nguồn gốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm.

- Về thực phẩm giả, Điều 64 Luật An toàn thực phẩm quy định Bộ Công Thương chủ trì việc phòng, chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trong lưu thông, kinh doanh thực phẩm mà không quy định việc phối hợp hoặc tham gia trong việc phòng, chống thực phẩm giả của các bộ khác. Việc phân chia quản lý sản phẩm thực phẩm theo từng ngành, mỗi ngành quản lý các mặt hàng khác nhau, cụ thể: Điều 62: Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế, Điều 63: Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, và Điều 64: Trách nhiệm của Bộ Công Thương tại Luật An toàn thực phẩm dẫn đến chưa thống nhất trong quản lý, chưa có cơ quan chịu trách nhiệm chính trong quản lý và khi có sự cố về an toàn thực phẩm, ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng;

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Nghị định 15/2018/NĐ-CP có các quy định về cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định trong giải quyết tranh chấp và cung cấp phiếu kiểm nghiệm khi công bố sản phẩm tuy nhiên chưa có quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục chỉ định hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng của cơ sở kiểm nghiệm do nhà nước chỉ định, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng, cơ sở kiểm nghiệm không do nhà nước chỉ định và phòng kiểm nghiệm của cơ sở sản xuất gây khó khăn trong việc xác định cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định cho cơ quan quản lý cũng như các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình kinh doanh thực phẩm;

- Chưa quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đứng tên công bố sản phẩm: Luật An toàn thực phẩm năm 2010 mới chỉ quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm mà chưa quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đứng tên công bố sản phẩm. Điều này gây ra khó khăn cho cơ quan quản lý trong quá trình kiểm soát, thanh tra, kiểm tra sản phẩm lưu thông trên thị trường vì tổ chức, cá nhân đứng tên công bố sản phẩm là người chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý với sản phẩm công bố nhưng lại không có trách nhiệm với sản phẩm khi lưu hành là không hợp lý;

- Chưa quy định quản lý, nhận diện, truy xuất nguồn gốc thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm lưu hành trên thị trường dựa trên nhãn bao bì ngoài của thực phẩm như in mã vạch (Barcode), mã QR.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích

- Giải quyết kịp thời các hạn chế, vướng mắc, bất cập trong các quy định của Luật ATTP.

- Xác định và đề cao trách nhiệm của cơ quan quản lý, doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm, nâng cao hiệu quả bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác hậu kiểm để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và nâng cao chất lượng thực phẩm.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền trong hoạt động về quản lý thực phẩm, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

2. Quan điểm xây dựng

- Thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng vào pháp luật, trong đó chú trọng đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; bám sát chủ trương tại Nghị quyết số 20/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Kế thừa các quy định hiện hành, bảo đảm sự đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan về thực phẩm.

- Rà soát bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất và tính khả thi của hệ thống pháp luật; bảo đảm hoàn thiện hệ thống pháp luật về an toàn thực phẩm; tiếp cận tối đa các thông lệ quốc tế cũng như phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đổi mới mạnh mẽ quy trình, thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm tối đa thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đơn vị.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách Luật ATTP (sửa đổi) định hướng xây dựng theo hướng thống nhất một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thực phẩm từ trung ương đến địa phương, trong đó tăng cường phân cấp, phân quyền tối đa cho chính quyền địa phương; Quản lý an toàn thực phẩm theo toàn bộ chuỗi giá trị thực phẩm từ yếu tố đầu vào sản xuất, lưu thông đến tận tay người tiêu dùng; Giảm thiểu việc sử dụng nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại; Có cơ chế, chính sách ưu đãi cho các cơ sở đầu tư, nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất thực phẩm.

2. Đối tượng áp dụng

Chính sách này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm tại Việt Nam.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Xác định sự cần thiết xây dựng Luật ATTP (sửa đổi): Việc xây dựng Luật ATTP (sửa đổi) được thực hiện trên cơ sở nhận định về những bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật hiện hành, sự thay đổi của tình hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm,

cũng như nhu cầu tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

2. Bộ Y tế đã tổ chức đánh giá, tổng kết thực tiễn 15 năm thi hành Luật ATTP hiện hành; xây dựng báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo Luật an toàn thực phẩm (sửa đổi).

3. Tổ chức đánh giá tác động của chính sách dựa trên 5 chính sách đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết 158/NQ-CP ngày 03/06/2025 phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 5 năm 2025. Nội dung đánh giá tác động của chính sách bao gồm: (1) đánh giá tác động đối với hệ thống luật pháp; (2) tác động về kinh tế - xã hội; (3) tác động về giới (nếu có) và tác động của thủ tục hành chính (nếu có); (4) Tác động về quốc phòng an ninh; (5) Tác động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Ngày 04/08/2025, Bộ Y tế có Công văn số 5168/BYT-ATTP đề xuất Chính phủ cho phép trình Hồ sơ dự án Luật đề Quốc hội cho ý kiến và thông qua vào năm 2026; ngày 18/8/2025 Văn phòng Chính phủ có Công văn số 7687/VPCP-KGVX đồng ý về chủ trương trình Dự án Luật đề Quốc hội cho ý kiến và thông qua vào năm 2026 như đề xuất của Bộ Y tế; ngày 19/11/2025, Bộ Y tế có Tờ trình trình Chính phủ đề xuất bổ sung Dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) vào Chương trình lập pháp năm 2026 của Quốc hội, kỳ họp tháng 10; ngày 25/11/2025, VPCP có Công văn số 11560/VPCP-KGVX đề nghị Bộ Y tế phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan hoàn chỉnh hồ sơ trình Chính phủ về việc bổ sung Dự án Luật vào Chương trình lập pháp năm 2026, xác định tiến độ trình Quốc hội Dự án Luật này tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI.

- Khi rà soát, dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) không được áp dụng điều khoản chuyển tiếp tại Điều 72 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. Do vậy, việc trình thủ tục phê duyệt Chính sách của Luật vẫn phải được thực hiện và phải tuân thủ quy trình tại các Điều 28. Xác định chính sách; Điều 29. Đánh giá tác động chính sách; Điều 30. Lấy ý kiến, tham vấn chính sách; Điều 31. Thẩm định chính sách và Điều 32. Thông qua chính sách của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

- Ngày 11/12/2025, Bộ Y tế có Tờ trình số 1817/TTr-BYT trình Chính phủ về việc bổ sung dự án Luật An toàn thực phẩm vào Chương trình lập pháp năm 2026; ngày 16/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 14/NQ-CP phê duyệt đề nghị bổ sung dự án Luật ATTP (sửa đổi) vào Chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2026; Ngày 17/01/2026, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ký tờ trình số 18/TTr-CP trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung dự án Luật ATTP (sửa đổi) vào vào Chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2026 và ngày 06/02/2026, Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành Nghị quyết số 119/2026/UBTVQH15 Điều chỉnh chương trình lập pháp năm 2026 trong đó phê duyệt trình UBTVQH Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) tại phiên họp tháng 9/2026.

- Sau khi hoàn thiện dự thảo Hồ sơ chính sách, Bộ Y tế đã tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan,

tổ chức, cá nhân có liên quan (Công văn số 9136/BYT-ATTP ngày 26/12/2025, Công văn số 2116/BYT-ATTP ngày 27/03/2026); Tổ chức hội nghị tham vấn chính sách khu vực phía bắc ngày 09/01/2026 (Giấy mời số 03/GM-BYT ngày 0501/2026); hội nghị tham vấn chính sách khu vực phía nam 15/05/2026 (Giấy mời số 46/GM-BYT ngày 13.1.2026); xin ý kiến các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Y tế (tờ trình số 01-TTr/ĐU ngày 08/01/2026 và tờ trình số 17-TTr/ĐU ngày 24/04/2026, tờ trình số 24-TTr/ĐU ngày 04/06/2026 của Cục An toàn thực phẩm) và đăng tải, lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế và của Cục An toàn thực phẩm (Công văn số 2525/ATTP-PCTTR ngày 26/12/2025). Đăng tải bản ý kiến góp ý, tiếp thu giải trình lên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế và của Cục An toàn thực phẩm (Công văn số 120/ATTP-PCTTR ngày 22/01/2026 và công văn số 583/ATTP-PCTTR ngày 10/04/2026, Công văn số 693/ATTP-PCTTR ngày 22/04/2026).

- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị và kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Thông báo số 15-TB/BCĐTW ngày 17/03/2026 của Ban chỉ đạo trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật, Bộ Y tế đã rà soát và hoàn thiện lại 05 chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết 158/NQ-CP thành 04 chính sách. Ngày 29/4/2026, Bộ Y tế có công văn số 3105/BYT-ATTP gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ chính sách Luật ATTP (sửa đổi) trước khi trình Chính phủ phê duyệt.

- Ngày 8/5/2026, Bộ Tư pháp tổ chức họp thẩm định nội dung chính sách này với sự tham gia của thành viên Hội đồng thẩm định. Ngày 22/5/2026, Bộ Tư pháp có báo cáo số 260/BCTĐ-BTP thẩm định hồ sơ chính sách Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) (giai đoạn 1).

- Bộ Y tế phối hợp với các Bộ, ngành, các tổ chức, cá nhân liên quan tiếp tục rà soát, hoàn thiện lại 05 chính sách và gửi Bộ Tư pháp thẩm định (giai đoạn 2)

- Ngày, Bộ Tư pháp có văn bản số phản hồi ý kiến về hồ sơ chính sách, sau khi tiếp thu, giải trình các ý kiến Bộ Y tế trình Chính phủ xem xét, phê duyệt hồ sơ chính sách.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Quản lý an toàn thực phẩm dựa trên kiểm soát nguy cơ theo chuỗi cung ứng

1.1. Mục tiêu

Giám sát, đảm bảo an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung ứng thực phẩm từ sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ) đến sơ chế, chế biến, kinh doanh và lưu thông trên thị trường, hướng tới phương thức kiểm soát an toàn thực phẩm của các nước phát triển.

1.2. Nội dung

Thực hiện quản lý an toàn thực phẩm trong toàn bộ các khâu của chuỗi cung ứng, cụ thể: (1) Quy định mức tồn dư lượng thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và các tác nhân gây ô nhiễm trong thực phẩm đối với thực phẩm sau thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ trong khâu sản xuất ban đầu; (2) Quy định điều kiện của một số nhóm cơ sở sản xuất thực phẩm; (3) Quy định cách thức quản lý theo từng nhóm thực phẩm; (4) Thực

hiện việc giám sát, hậu kiểm trên thị trường trong quá trình lưu thông của thực phẩm, trong đó tăng cường vai trò của cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm trong công tác kiểm tra, giám sát, chủ động lấy mẫu đối với thực phẩm lưu thông trên thị trường.

1.3. Giải pháp

1.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật An toàn thực phẩm 2010

a) Theo quy định của Luật An toàn thực phẩm thì công tác quản lý an toàn thực phẩm đã được thực hiện trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh và có sự phân công, phân cấp rõ ràng, phối hợp liên ngành đối với thực phẩm từ sản xuất ban đầu. Bộ Ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo các nhóm sản phẩm hàng hóa cụ thể thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

b) Các quy định quản lý cụ thể trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh:

- Cơ sở sản xuất:

+ Quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong sơ chế, chế biến thực phẩm, kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến;

+ Bắt buộc áp dụng hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) đối với cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe (khoản 3, Điều 28 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP);

+ Các cơ sở khác phải được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền cấp ngoại trừ những đối tượng không thuộc diện cấp do Chính phủ quy định bao gồm cơ sở có một trong số Giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000 hoặc tương đương còn hiệu lực (khoản 3, Điều 34 Luật an toàn thực phẩm 2010 và khoản 1, Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP);

- Sản phẩm trước khi lưu hành:

+ Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm phải thực hiện công bố hợp quy;

+ Thực phẩm chức năng (bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học) phải có thông tin, tài liệu khoa học chứng minh về tác dụng của thành phần tạo nên chức năng đã công bố, trong đó thực phẩm chức năng lần đầu tiên đưa ra lưu thông trên thị trường phải có báo cáo thử nghiệm hiệu quả về công dụng của sản phẩm. Thực phẩm chức năng phải thực hiện việc đăng ký công bố sản phẩm hoặc công bố hợp quy.

- Quá trình lưu thông:

+ Các Bộ ngành thực hiện thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý hoặc thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các bộ khác khi cần thiết;

+ Quy định về kiểm nghiệm thực phẩm, phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm, phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm;

+ Kiểm tra an toàn thực phẩm và quyền hạn, nhiệm vụ của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm.

1.3.2. Giải pháp 2. Quy định cụ thể về các điều kiện về giống cây trồng, giống vật nuôi; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, chất tăng trọng, chất phát dục, chất bảo quản thực phẩm và các chất khác..... Thực hiện quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi cung ứng thực phẩm từ sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ), sơ chế, chế biến, kinh doanh, lưu thông trên thị trường đến tận tay người tiêu dùng

+ Quy định cụ thể quản lý về giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, phát triển vùng cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; sản xuất trồng trọt giảm phát thải, sản xuất tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y...liên quan đến sản xuất ban đầu;

+ Các quy định về an toàn thực phẩm theo chuỗi cung ứng từ sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ) đến sơ chế, chế biến, kinh doanh và lưu thông trên thị trường quy định giống như giải pháp 3.

1.3.3. Giải pháp 3. Thực hiện quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi cung ứng từ sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ), sơ chế, chế biến, kinh doanh, lưu thông trên thị trường đến tận tay người tiêu dùng

a) Quy định việc quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm từ sản xuất ban đầu đến sơ chế, chế biến, kinh doanh và lưu thông trên thị trường, cụ thể:

- Khâu sản xuất ban đầu:

+ Kế thừa các quy định của Luật ATTP hiện hành về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tươi sống. Các cơ sở này tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành về giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật,..., quy định về kiểm dịch, vệ sinh thú y, kiểm dịch thực vật,..., quy định về xử lý chất thải.

+ Dự thảo Luật ATTP tiếp tục quy định cụ thể thực phẩm sau thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ phải đáp ứng mức giới hạn dư lượng thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và các tác nhân gây ô nhiễm trong thực phẩm theo quy định của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex) để đảm bảo an toàn khi sử dụng trực tiếp hay chế biến.

+ Đối với cơ sở sản xuất tại nước xuất khẩu: Tiếp tục duy trì các quy định của Luật ATTP về việc giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm tại nước sẽ xuất khẩu thực phẩm vào Việt Nam theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; Thủ tục đăng ký quốc gia, vùng lãnh thổ và cơ sở sản xuất, kinh doanh tại nước ngoài xuất khẩu thực phẩm vào Việt Nam.

- Khâu sản xuất: Quản lý cơ sở sản xuất thực phẩm trên cơ sở pháp quy hóa chính sách của nhà nước khoản 4 Điều 4 Luật ATTP 2010 về việc thiết lập khuôn khổ pháp lý và lộ trình bắt buộc áp dụng hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), Phân tích nguy cơ và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP) và các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, bao gồm:

+ Quy định tất cả các cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm phải đáp ứng nguyên tắc thực hành vệ sinh tốt (GHP) theo lộ trình do Chính phủ quy định;

+ Quy định các cơ sở sản xuất thực phẩm phải đáp ứng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến HACCP; ISO 22000; IFS; BRC; FSSC 22000 và các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến khác. Dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết các cơ sở phải đáp ứng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến và lộ trình thực hiện, bao gồm: cơ sở sản xuất thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm dinh dưỡng y học, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bổ sung.

+ Tiếp tục quy định cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe phải đáp ứng điều kiện thực hành tốt (GMP).

- Khâu trước khi lưu hành: dựa trên nguyên tắc phân loại thực phẩm để đưa ra biện pháp quản lý phù hợp theo từng nhóm thực phẩm bao gồm: (1) nhóm thực phẩm phải đăng ký bản công bố hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng trước khi lưu hành và được thực hiện hậu kiểm trên thị trường; (2) nhóm thực phẩm không phải thực hiện công bố và được thực hiện hậu kiểm trên thị trường (được quy định tại giải pháp 3 Chính sách 2).

- Khâu lưu hành trên thị trường:

+ Các biện pháp quản lý để thực hiện việc hậu kiểm thực phẩm lưu thông trên thị trường, bao gồm quy định về (1) hệ thống kiểm nghiệm; (2) thu hồi và xử lý thực phẩm; (3) tăng cường thông tin truyền thông; (4) tăng cường trách nhiệm của cơ sở kinh doanh thực phẩm, chủ quản nền tảng thương mại điện tử trong hoạt động kinh doanh thực phẩm theo phương thức thương mại điện tử; (5) thực hiện phân tích nguy cơ, phòng ngừa ngăn chặn sự cố, khắc phục sự cố, truy xuất nguồn gốc; (6) các biện pháp xử lý khi phát hiện trường hợp nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bị sử dụng sai mục đích, lạm dụng thành các chất có hại (được quy định tại giải pháp 3 Chính sách 2);

+ Tiếp tục duy trì quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm; hệ thống chất lượng, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự phù hợp để đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình lưu thông;

+ Các cơ sở cơ sở sản xuất ban đầu áp dụng một trong các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt: Global GAP, ASEAN GAP, hữu cơ, RA; thực phẩm được sản xuất từ các cơ sở áp dụng hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc đáp ứng điều kiện sản xuất HACCP; ISO 22000; IFS; BRC; FSSC 22000 sẽ được miễn cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm

+ Quy định kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất, hình thức, thời gian, tần suất kiểm tra và quy định mức xử phạt tối đa về vi phạm hành chính;

b) Xây dựng dữ liệu tập trung liên thông để thực hiện quản lý an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung ứng thực phẩm, được cụ thể hóa ở chính sách 3.

1.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Y tế lựa chọn giải pháp 3 là giải pháp tối ưu được lựa chọn, lý do:

- Giải pháp 1: Việc giữ nguyên quy định hiện hành không làm thay đổi hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, gây khó khăn trong việc quản lý an toàn thực phẩm, làm thiếu hụt công cụ hữu hiệu nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu về an toàn thực phẩm dẫn đến làm tăng chi phí hậu kiểm và chi phí kiểm tra giám sát do các sản phẩm chưa đạt các tiêu chuẩn chất lượng đã được quốc tế thừa nhận. Chi phí này ước tính cho 1 tỉnh/thành phố trên 1 năm khoảng hơn 1 tỷ đồng từ ngân sách địa phương. Việc chỉ áp dụng bắt buộc hệ thống quản lý an toàn thực phẩm đối với một số loại thực phẩm dễ dẫn tới nguy cơ gia tăng vụ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm của các loại thực phẩm không áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, làm tăng gánh nặng cho hệ thống y tế công cộng cũng như gây áp lực lên các cơ quan nhà nước và làm suy giảm sức khỏe cộng đồng. Mặt khác, quy định các Bộ ngành chỉ kiểm tra trong lĩnh vực được phân công phụ trách sẽ dẫn đến việc thiếu đồng bộ, chồng chéo gây khó khăn trong công tác quản lý và truy xuất nguồn gốc đối với các thực phẩm, thiếu kiểm soát chặt chẽ dẫn đến nguy cơ cao về ô nhiễm thực phẩm, có thể gây ra các vụ ngộ độc thực phẩm lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng.

- Giải pháp 2: Mặc dù giải pháp này giúp kiểm soát toàn bộ vòng đời của sản phẩm, tuy nhiên nội dung giải pháp vượt quá phạm vi quy định của Luật an toàn thực phẩm đồng thời hiện nay quy định đối với sản xuất, sơ chế ban đầu, trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ cũng đã có tại các Luật hiện hành như Luật thú y, Luật bảo vệ thực vật, Luật thủy sản, Luật chăn nuôi... việc quy định thêm vào Luật ATTP sẽ có thể gây ra chồng chéo, khó khăn trong việc quản lý nhà nước.

- Giải pháp 3: Quy định quản lý an toàn thực phẩm đối với thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung ứng nhưng vẫn không chồng chéo chức năng nhiệm vụ với Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang quản lý đối với khâu sản xuất ban đầu mà vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý về an toàn thực phẩm từ yếu tố đầu vào như kiểm soát giới hạn tồn dư trong thực phẩm từ nguyên liệu đầu vào như giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm... và sơ chế ban đầu: trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, thu hoạch, thu gom giết mổ cho đến khâu cuối cùng là người tiêu dùng.

Việc lựa chọn biện pháp quản lý chuỗi cung ứng theo nguy cơ bao gồm từ sản xuất ban đầu tới lưu thông trên thị trường kết hợp với các biện pháp quản lý cho phép đăng ký bản công bố hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng và thực hiện kiểm tra khi thực phẩm đã đến khâu lưu thông, áp dụng các biện pháp kiểm nghiệm, thu hồi, truy xuất nguồn gốc có các ưu điểm sau đây:

+ Hiện nay Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa 2025 đang phân loại sản phẩm theo mức độ rủi ro để quản lý chất lượng sản phẩm lưu thông, theo đó Điều 4, Điều 5 Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2025 đối với các sản phẩm nguy cơ rủi ro thấp thì thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng, đối với nhóm sản phẩm rủi ro cao và trung bình

thì tuân theo Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa hoặc theo pháp luật chuyên ngành. Do vậy, việc lựa chọn giải pháp quy định theo hướng các biện pháp quản lý phù hợp theo từng nhóm thực phẩm là phù hợp với Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, vừa kế thừa các quy định hiện hành, đồng thời không gây chồng chéo trong hệ thống pháp luật,

+ Tham khảo thực tiễn quốc tế cho thấy, đa số các quốc gia trên thế giới không có quy chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm mà chỉ quản lý theo tiêu chuẩn thực phẩm. Các quốc gia không phân loại sản phẩm hàng hóa theo nhóm rủi ro cao, thấp, trung bình mà căn cứ vào đặc tính của nhóm hàng hóa để quản lý theo chuỗi cung ứng của sản phẩm (từ nguyên liệu ban đầu, sơ chế ban đầu, trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, hoạt động kiểm soát giết mổ chế biến, kinh doanh, lưu thông trên thị trường cho đến tận tay người tiêu dùng). Căn cứ vào rủi ro, nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm trong từng mắt xích của chuỗi cung ứng theo từng nhóm hàng để xây dựng biện pháp, chương trình giám sát rủi ro, nguy cơ nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm. Thực tế không có nhóm hàng nào rủi ro thấp, cao trung bình mà bất kỳ hàng hóa nào cũng đều nguy cơ, rủi ro xảy ra trong chuỗi cung ứng.

Thực tiễn và thông lệ quốc tế trên cũng phù hợp với kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm tại thông báo số 15/TB-BCĐTW ngày 17/03/2026: “Chuyển mạnh tư duy quản lý an toàn thực phẩm từ “kiểm soát từng khâu riêng lẻ” sang “quản lý toàn bộ chuỗi”, bảo đảm quản lý chặt chẽ từ sản xuất, chế biến, lưu thông cho đến tiêu dùng thực phẩm”.

+ Luật ATTP chỉ quản lý về an toàn thực phẩm do đó sẽ chỉ tập trung vào các nhóm theo nguyên tắc phân loại thực phẩm cần kiểm soát trong chuỗi cung ứng sản phẩm để tập trung quản lý. Luật ATTP sửa đổi cũng chia ra 02 hình thức quản lý: với các nhóm sản phẩm có giám sát chặt thì phải đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng, nhóm còn lại sẽ được kiểm tra, giám sát sau khi được lưu thông trên thị trường. Quy định như vậy sẽ giảm chi phí tuân thủ của cả xã hội trong quá trình thực hiện, đồng thời tạo sự chủ động cho tổ chức, cá nhân cung ứng thực phẩm trong quá trình lựa chọn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh nhưng cũng tăng trách nhiệm cho các chủ thể này trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm; ngoài ra, việc tăng cường kiểm tra, giám sát đối với thực phẩm đã đến khâu lưu thông cũng giảm chi phí từ ngân sách nhà nước cho công tác kiểm tra trước khi thực phẩm ra thị trường, hạn chế tối đa các “giấy phép con”.

2. Chính sách 2: Cải cách phương thức quản lý và cơ chế kiểm tra thực phẩm trên thị trường

2.1. Mục tiêu

Đổi mới phương thức quản lý sản phẩm gắn với thực phẩm được giám sát, kiểm tra trong toàn bộ vòng đời nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm cho người sử dụng.”

2.2. Nội dung

Quy định phương thức quản lý phù hợp cho từng nhóm thực phẩm trên cơ sở đánh giá nguy cơ về an toàn thực phẩm, cụ thể (1) Đối với trước khi lưu hành: (i) Thực hiện đăng ký bản công bố hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng trước khi lưu hành hoặc (ii) Lưu hành mà không cần thực hiện công bố và sẽ được kiểm tra, giám sát trên thị trường; (2) Đối với sau lưu hành: thực hiện việc giám sát, kiểm tra, phân tích nguy cơ, phòng ngừa

ngăn chặn sự cố, khắc phục sự cố, truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm không an toàn thông qua hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm thống nhất từ trung ương đến địa phương.

2.3. Giải pháp

2.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật an toàn thực phẩm 2010

- Phân loại thực phẩm theo phân tích nguy cơ về an toàn thực phẩm.
- Thực hiện biện pháp quản lý đối với thực phẩm trước khi lưu hành:
 - + Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm phải thực hiện công bố hợp quy;
 - + Thực phẩm chức năng (bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học) phải có thông tin, tài liệu khoa học chứng minh về tác dụng của thành phần tạo nên chức năng đã công bố, trong đó thực phẩm chức năng lần đầu tiên đưa ra lưu thông trên thị trường phải có báo cáo thử nghiệm hiệu quả về công dụng của sản phẩm. Thực phẩm chức năng phải thực hiện việc đăng ký công bố sản phẩm hoặc công bố hợp quy.
- Quá trình lưu thông:
 - + Các Bộ ngành thực hiện thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý hoặc thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các bộ khác khi cần thiết;
 - + Quy định về kiểm nghiệm thực phẩm, phân tích nguy cơ đối với an toàn thực phẩm, phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm;
 - + Kiểm tra an toàn thực phẩm và quyền hạn, nhiệm vụ của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm.

2.3.2 Giải pháp 2: Thực hiện các biện pháp quản lý khác nhau cho từng loại thực phẩm theo hướng các thực phẩm đều được kiểm tra, giám sát trong quá trình lưu thông trên thị trường trong đó một số nhóm thực phẩm sẽ phải thực hiện đăng ký bản công bố sản phẩm, công bố hợp quy hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng trước khi lưu hành và triển khai các biện pháp kiểm tra phù hợp trên cơ sở phân tích nguy cơ về an toàn thực phẩm

Quy định cụ thể ngay trong luật các loại thực phẩm tương ứng với các biện pháp quản lý. Theo đó, các biện pháp thực hiện trong giai đoạn trước khi lưu hành và trong quá trình lưu thông trên thị trường. Cụ thể là:

- Thực hiện biện pháp quản lý đối với thực phẩm trước khi lưu hành:
 - + Phải đăng ký bản công bố hợp quy đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh

dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm bổ sung và sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi có quy chuẩn kỹ thuật về các chỉ tiêu chất lượng, an toàn.

+ Phải công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm không có quy chuẩn kỹ thuật về chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn hoặc chưa có tổ chức thực hiện chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hoặc chưa có phương thức đánh giá sự phù hợp; vi chất dinh dưỡng; thực phẩm bổ sung chỉ chứa vitamin, khoáng chất không công bố khuyến cáo về sức khỏe (Health claims).

+ Thực hiện đăng ký bản công bố sản phẩm đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm bổ sung có công bố khuyến cáo về sức khỏe (Health claims) và sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

+ Không phải thực hiện công bố và chỉ thực hiện kiểm tra trong quá trình lưu thông trên thị trường đối với nhóm thực phẩm trong các trường hợp sau:

(1) Khi cần đáp ứng nhu cầu cấp bách cho dịch bệnh, quốc phòng, an ninh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa;

(2) Thực phẩm tươi sống, thực phẩm sơ chế chưa bao gói;

(3) Thực phẩm chỉ để xuất khẩu, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm để xuất khẩu;

(4) Nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm để sản xuất thực phẩm xuất khẩu hoặc chỉ phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân không tiêu thụ tại thị trường trong nước;

(5) Thực phẩm dùng trong các chương trình viện trợ, viện trợ nhân đạo;

(6) Thực phẩm làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ;

(7) Nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm dùng để sản xuất thực phẩm đã được cấp giấy đăng ký bản công bố hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng;

- Quá trình lưu thông trên thị trường:

+ Các quy định kiểm tra, phân tích nguy cơ, phòng ngừa ngăn chặn sự cố, khắc phục sự cố, truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm lưu thông trên thị trường sẽ được quy định giống giải pháp 3.

- Thực hiện biện pháp quản lý đối với thực phẩm trong quá trình lưu thông trên thị trường: Các quy định kiểm tra, phân tích nguy cơ, phòng ngừa ngăn chặn sự cố, khắc

phục sự cố, truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm lưu thông trên thị trường sẽ được quy định giống giải pháp 3.

2.3.3 Giải pháp 3: Thực hiện các biện pháp quản lý đối với các loại thực phẩm theo hướng các thực phẩm đều được kiểm tra, giám sát trong quá trình lưu thông trên thị trường trong đó một số nhóm thực phẩm sẽ phải thực hiện đăng ký bản công bố sản phẩm, hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng trước khi lưu hành và triển khai các biện pháp kiểm tra đối với thực phẩm trong quá trình lưu thông phù hợp trên cơ sở phân tích nguy cơ về an toàn thực phẩm

* Thực hiện quản lý thực phẩm trước khi lưu hành trên thị trường:

(1) Đối với thực phẩm trong nước

- Quy định nguyên tắc phân loại thực phẩm, các biện pháp quản lý tương ứng với các nhóm thực phẩm và giao Chính phủ quy định nhóm thực phẩm cụ thể tương ứng với từng biện pháp quản lý. Thực phẩm được phân loại để quản lý dựa trên 4 tiêu chí sau:

- + Lấy sức khỏe của người dân làm trung tâm;
- + Phù hợp thông lệ quốc tế;
- + Phù hợp với tình hình kinh tế xã hội;
- + Đặc tính kỹ thuật của thực phẩm.

- Các biện pháp quản lý tương ứng với các nhóm thực phẩm được Chính phủ quy định bao gồm:

+ Thực hiện đăng ký bản công bố và thực hiện kiểm tra trong quá trình lưu thông trên thị trường đối với nhóm thực phẩm: (1) Thực phẩm bảo vệ sức khỏe; (2) thực phẩm dinh dưỡng y học; (3) thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; (4) sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi;

+ Thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và thực hiện kiểm tra trong quá trình lưu thông trên thị trường đối với nhóm thực phẩm: (1) thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn; (2) phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; (3) vi chất dinh dưỡng; (4) thực phẩm bổ sung; (5) dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;

+ Các thực phẩm có quy chuẩn kỹ thuật thì thực hiện đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của Luật này và không phải đăng ký hợp quy theo pháp luật về quy chuẩn, tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn thực phẩm phải đạt tối thiểu quy chuẩn kỹ thuật.

+ Không phải thực hiện công bố và chỉ thực hiện kiểm tra trong quá trình lưu thông trên thị trường đối với nhóm thực phẩm, cụ thể:

(1) Khi cần đáp ứng nhu cầu cấp bách cho dịch bệnh, quốc phòng, an ninh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa;

(2) Thực phẩm tươi sống, thực phẩm sơ chế chưa bao gói;

(3) Thực phẩm chỉ để xuất khẩu, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm để xuất khẩu;

(4) Nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm để sản xuất thực phẩm xuất khẩu hoặc chỉ phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân không tiêu thụ tại thị trường trong nước;

(5) Thực phẩm dùng trong các chương trình viện trợ, viện trợ nhân đạo;

(6) Thực phẩm làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ;

(7) Nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm dùng để sản xuất thực phẩm đã được cấp giấy đăng ký bản công bố hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng.

(2) Đối với thực phẩm nhập khẩu:

- Thực hiện các biện pháp quản lý liên quan đến việc đăng ký bản công bố, công bố tiêu chuẩn áp dụng trước khi lưu hành, kiểm tra trong quá trình lưu thông như thực phẩm trong nước.

- Giữ nguyên quy định 03 phương thức kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu tại Luật ATTP 2010 gồm: kiểm tra chặt, kiểm tra thường, kiểm tra giảm. Đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng cụ thể từng phương thức kiểm tra phù hợp với từng nhóm thực phẩm đã phân loại theo biện pháp quản lý theo nguyên tắc như sau:

(1) Kiểm tra chặt: thực hiện kiểm tra hồ sơ; kết hợp kiểm tra thực trạng hàng hóa; lấy mẫu kiểm nghiệm theo tiêu chuẩn trong hồ sơ công bố (nếu có) và các chỉ tiêu khác không đạt, hoặc có cảnh báo.

(2) Kiểm tra thông thường: thực hiện kiểm tra hồ sơ và chọn ngẫu nhiên theo tỷ lệ trên tổng số lô hàng nhập khẩu để kiểm tra thực tế, thực hiện lấy mẫu kiểm nghiệm ngẫu nhiên theo tỷ lệ nhất định, thực phẩm vẫn được thông quan mà không cần chờ kết quả kiểm nghiệm. Trường hợp kết quả kiểm nghiệm không đạt, cơ quan có thẩm quyền sẽ thực hiện truy xuất nguồn gốc, phòng ngừa, ngăn chặn sự cố, xử lý vi phạm theo quy định. Đối với các lô hàng thực phẩm có kết quả chứng nhận an toàn thực phẩm theo thỏa thuận của cơ quan thẩm quyền: không thực hiện việc kiểm tra lấy mẫu tại cửa khẩu.

(3) Kiểm tra giảm: kiểm tra hồ sơ và chọn ngẫu nhiên theo tỷ lệ trên tổng số lô hàng nhập khẩu để kiểm tra thực tế. Áp dụng phương thức kiểm tra giảm đối với các nông sản được sản xuất từ cơ sở sản xuất ban đầu áp dụng một trong các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt: Global GAP, ASEAN GAP, hữu cơ, RA hoặc tương đương; thực phẩm được sản xuất từ các cơ sở áp dụng hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc đáp ứng điều kiện sản xuất HACCP; ISO 22000; IFS; BRC; FSSC 22000 hoặc đáp ứng điều kiện vệ sinh tốt (GHP) hoặc các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến khác.

(4) Miễn kiểm tra nhà nước đối với các nhóm thực phẩm đang quy định trong Luật hiện hành và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và bổ sung thêm 03 nhóm thực phẩm bao gồm: i) Hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng theo văn bản xác nhận của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an; ii) Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hoá mua bán, trao đổi của cư dân biên giới và trong định mức miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới (trừ trường hợp mua gom); và iii) Hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh có trị giá hải quan được miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ và hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan.

* Thực hiện biện pháp quản lý đối với thực phẩm trong quá trình lưu thông trên thị trường, bao gồm:

+ Thực hiện kiểm tra theo nguyên tắc dựa trên cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm thống nhất từ trung ương đến địa phương bao gồm: kết quả quá trình đánh giá nguy cơ, dữ liệu kết quả kiểm nghiệm, thông tin về sự cố mất an toàn thực phẩm, kết quả giám sát, lịch sử tuân thủ quy định an toàn thực phẩm của cơ sở kinh doanh thực phẩm qua các cuộc thanh tra, kiểm tra trước đó;

+ Tăng cường việc truyền thông, giáo dục cho người dân về an toàn thực phẩm thông qua các chương trình phát sóng định kỳ trên các phương tiện thông tin, đại chúng.

+ Hoàn thiện quy định về hệ thống kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước trong việc chủ động lấy mẫu giám sát thị trường, đồng thời giao Ủy ban nhân tỉnh bố trí kinh phí cho hoạt động kiểm nghiệm thực phẩm lưu thông trên địa bàn;

+ Quy định trách nhiệm thực hiện phân tích nguy cơ, phòng ngừa ngăn chặn sự cố, khắc phục sự cố, truy xuất nguồn gốc thông qua hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm thống nhất từ trung ương đến địa phương;

+ Quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không đảm bảo chất lượng và an toàn;

+ Xây dựng các quy định để phục vụ hậu kiểm việc kinh doanh thực phẩm theo phương thức thương mại điện tử: ngoài các quy định hiện hành về kinh doanh trên môi trường thương mại điện tử, bổ sung quy định cụ thể: cơ sở kinh doanh phải đăng tải hoặc cung cấp cho chủ quản nền tảng thương mại điện tử để đăng tải giấy đăng ký bản công bố, bản công bố tiêu chuẩn áp dụng, giấy đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo (nếu có) cho từng sản phẩm kinh doanh; chủ quản nền tảng thương mại điện tử phải xây dựng cơ chế kiểm duyệt, yêu cầu cơ sở kinh doanh cung cấp các giấy đăng ký bản công bố, bản công bố tiêu chuẩn áp dụng để đăng tải theo từng sản phẩm; chịu trách nhiệm liên đới trong trường hợp không thực hiện các biện pháp kiểm duyệt cần thiết để gây ra sự cố về an toàn thực phẩm, thiệt hại cho người tiêu dùng;

+ Khi phát hiện trường hợp nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bị sử dụng sai mục đích, lạm dụng thành các chất có hại, tăng cường các biện pháp thanh tra, kiểm tra, giám sát, truy xuất nguồn gốc đối với quá trình sản xuất, kinh doanh, phân phối các chất này. Song song, cập nhật các chất này vào danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Nghị định 24/2026/NĐ-CP để

thực hiện các biện pháp quản lý sản xuất, kinh doanh, truy xuất nguồn gốc theo Luật hóa chất; tăng cường thông tin giáo dục truyền thông đối với các cơ sở kinh doanh và người dân về nguy cơ lạm dụng, xử lý vi phạm các chất này.

2.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Y tế lựa chọn giải pháp 3 là giải pháp tối ưu được lựa chọn, lý do:

- Giải pháp 1:

+ Quy định các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường không phù hợp với phương thức quản lý về an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, đối với thực phẩm là nhóm sản phẩm đặc biệt với sự đa dạng về hình thức và thể loại, không chỉ cơ quan quản lý ở Việt Nam mà cả quốc tế như Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (CODEX) cũng không thể ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn cho tất cả các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn mà chỉ ban hành được tiêu chuẩn kỹ thuật đối với một số phân nhóm đặc thù trong thực phẩm như sữa, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt v.v... Vì vậy, việc bắt buộc công bố hợp quy đối với tất cả thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn là không khả thi. Mặt khác quy định “Thực phẩm chức năng lần đầu tiên ra thị trường” phải có báo cáo hiệu quả công dụng, tuy nhiên thực tiễn rất khó xác định thế nào là “lần đầu tiên đưa ra thị trường” dẫn đến việc áp dụng quy định này sẽ không phù hợp với thực tiễn hiện nay;

+ Mặc dù quy định kiểm tra, giám sát, phân tích nguy cơ, phòng ngừa ngăn chặn sự cố, khắc phục sự cố, truy xuất nguồn gốc đã tương đối đầy đủ tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu kiểm tra giám sát thị trường, xử lý sự cố, truy xuất nguồn gốc thực phẩm không an toàn do thiếu thông tin quá trình lưu thông của sản phẩm chưa có một hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm thống nhất từ trung ương đến địa phương, chưa phân rõ trách nhiệm giữa các bộ, ngành khi xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm.

- Giải pháp 2: là giải pháp hỗn hợp giữa giải pháp 3 và giải pháp 1, tuy nhiên như đã bàn luận ở giải pháp 1 rằng quy định các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường không phù hợp với phương thức quản lý về an toàn thực phẩm. Mặt khác quy định này cũng sinh ra tình huống một loại thực phẩm có quy chuẩn sau khi công bố hợp quy muốn công bố khuyến cáo về sức khỏe lại phải thực hiện đăng ký bản công bố, như vậy một sản phẩm sẽ phải đăng ký 2 lần gây gánh nặng kinh tế không cần thiết cho doanh nghiệp.

- Giải pháp 3:

+ Để thực hiện Điều 5 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa rủi ro trung bình, rủi ro cao thì cơ quan quản lý có thẩm quyền phải ban hành quy chuẩn kỹ thuật để các tổ chức, cá nhân thực hiện chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Tuy nhiên, thực phẩm là hàng hóa đặc biệt, đa dạng về thành phần, chủng loại, dạng sản phẩm... nên sẽ chỉ có một số ít sản phẩm đặc trưng có thể chuẩn hóa đặc tính kỹ thuật thành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (ví dụ: sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ nhỏ, nước uống đóng chai...). Do vậy, việc đánh giá, phân

loại theo mức độ rủi ro cho thực phẩm theo Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, sản phẩm và ban hành quy chuẩn kỹ thuật cho tất cả các sản phẩm thực phẩm (theo rủi ro) là không khả thi.

+ Mặt khác theo hướng dẫn của Codex, cũng như qua kinh nghiệm quốc tế, thực phẩm chỉ chia ra thành 2 loại: (1) thực phẩm có nguy cơ về an toàn thực phẩm cần quản lý giám sát chặt và (2) thực phẩm có nguy cơ về an toàn thực phẩm nhưng không cần quản lý giám sát chặt. Việc phân loại này cũng phù hợp với mục tiêu tập trung được nguồn lực quản lý mà vẫn giảm thiểu được nguy cơ mất an toàn thực phẩm. Luật An toàn thực phẩm hiện hành cũng đã chia các nhóm thực phẩm trên cơ sở đánh giá nguy cơ về an toàn thực phẩm và cho đến nay cũng chưa nhận được khó khăn, vướng mắc với cách phân loại này từ phía các đơn vị thực thi, cơ sở kinh doanh thực phẩm cũng như người tiêu dùng.

+ Các thực phẩm có tuyên bố về sức khỏe cần đăng ký bản công bố sản phẩm do đặc điểm kỹ thuật của các sản phẩm này có dạng bào chế tương tự dược phẩm nhưng chứa hệ thành phần phức hợp (vitamin, khoáng chất, enzyme, probiotic, hoạt chất sinh học...). Do có nguồn gốc tự nhiên và tính bền vững kém trước các tác nhân môi trường (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng), nhóm này đòi hỏi quy trình công nghệ bào chế trình độ cao để kiểm soát tương tác giữa các thành phần. Bên cạnh đó, đối tượng sử dụng chủ yếu của nhóm sản phẩm này dành cho nhóm khách hàng đặc thù, dễ bị tổn thương (trẻ nhỏ, người cao tuổi, người có bệnh lý), yêu cầu sự kiểm soát nghiêm ngặt về an toàn và hiệu quả công dụng. Một số quốc gia áp dụng hình thức đăng ký bản công bố và tính tương tự về hồ sơ đăng ký theo Phụ lục đính kèm.

+ Riêng đối với thực phẩm bổ sung, hiện nay theo tham khảo cơ chế quản lý thực phẩm bổ sung của một số quốc gia, hiện nay Codex chưa có định nghĩa đối với nhóm sản phẩm này. Một số nước như Canada, Úc, New Zealand cũng có quy định đối với thực phẩm bổ sung (Supplemented Food) tuy nhiên yêu cầu quản lý của mỗi nước đều khác nhau, ví dụ: Canada có quy định danh mục những thực phẩm được cho chất bổ sung và tương ứng với mỗi loại thực phẩm có quy định cụ thể những chất (vitamin, khoáng chất, axit amin, caffeine...) được phép bổ sung và ngưỡng tối đa cho lượng bổ sung của từng chất vào thực phẩm theo khẩu phần và cảnh báo trên nhãn về ngưỡng tối đa này. Úc, New Zealand không quy định danh mục thực phẩm và các chất bổ sung vào thực phẩm, tuy nhiên có yêu cầu các chất bổ sung vào thực phẩm không nằm trong danh mục chất cấm theo quy định và phải có hồ sơ đánh giá về độ an toàn, sự phù hợp khi bổ sung các chất đó vào thực phẩm. Do nhóm thực phẩm bổ sung là nhóm dễ bị lạm dụng về công dụng sản phẩm và nhóm đối tượng sử dụng cũng tập trung nhiều vào nhóm đối tượng dễ bị tổn thương (trẻ nhỏ, người cao tuổi, người có bệnh lý) có mong muốn cải thiện sức khỏe. Vì vậy nhóm thực phẩm bổ sung sẽ được phân loại vào nhóm công bố tiêu chuẩn áp dụng.

+ Tham khảo kinh nghiệm quốc tế, hiện nay Nhật Bản đang quy định:

Thực phẩm có công bố sức khỏe phải đăng ký công bố, bao gồm: (1) thực phẩm dành cho mục đích sức khỏe; (2) thực phẩm có tuyên bố về chức năng; (3) thực phẩm có tuyên bố về chức năng dinh dưỡng;

Các nhóm thực phẩm tự công bố gồm: (1) thực phẩm bao gói: Bánh kẹo, mì gói, nước giải khát,..., (2) Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, (3) nguyên liệu thực phẩm: các loại nông sản, thực phẩm tươi sống cơ bản,...;

+ Từ năm 2018, Việt Nam đã thực hiện quản lý thực phẩm theo hình thức đăng ký bản công bố, tự công bố và miễn công bố đối với một số nhóm thực phẩm, cụ thể:

Các nhóm thực phẩm cần phải đăng ký công bố gồm: (1) thực phẩm bảo vệ sức khỏe; (2) thực phẩm dinh dưỡng y học; (3) thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; (4) sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi; (5) phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định.

Các nhóm thực phẩm tự công bố gồm: (1) thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn; (2) phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; (3) dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Các nhóm được miễn đăng ký bản công bố và tự công bố sản phẩm gồm: thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, nguyên liệu sản xuất, nhập khẩu chỉ dùng để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu hoặc phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân không tiêu thụ tại thị trường trong nước.

+ So sánh hai quy định cho thấy việc quản lý của Việt Nam tương đồng với Nhật Bản là một nước phát triển trên thế giới, theo đó, cả hai nước đều thực hiện biện pháp phân loại và quản lý thực phẩm theo nguyên tắc đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng. Cơ quan quản lý sẽ xem xét phê duyệt các sản phẩm có công bố về sức khỏe trước khi lưu hành.

Trong 8 năm thực hiện quản lý thực phẩm theo hình thức đăng ký bản công bố, tự công bố và miễn công bố đối với một số nhóm thực phẩm tại Việt Nam đã cho thấy biện pháp quản lý theo các nhóm thực phẩm hiện nay là phù hợp. Trên cơ sở thực tiễn và kinh nghiệm quản lý quốc tế, dự kiến chính sách sẽ thực hiện phân loại biện pháp quản lý theo nhóm thực phẩm trên nguyên tắc bảo đảm sức khỏe cho người sử dụng, phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế, đặc tính kỹ thuật, cụ thể:

Đối với một số nhóm sản phẩm sẽ phải thực hiện việc công bố trước khi lưu hành và thực hiện kiểm tra trong quá trình lưu thông trên thị trường, cụ thể:

Quy định nhóm thực phẩm phải thực hiện đăng ký bản công bố và thực hiện kiểm tra, giám sát trong quá trình lưu thông trên thị trường: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi;

Quy định nhóm thực phẩm công bố tiêu chuẩn áp dụng và thực hiện kiểm tra, giám sát trong quá trình lưu thông trên thị trường: (1) thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn; (2) phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; (3) vi chất dinh dưỡng; (4) thực phẩm bổ sung; (5) dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Quy định các nhóm thực phẩm không phải thực hiện công bố mà chỉ thực hiện việc kiểm tra, giám sát, cụ thể: (1) Khi cần đáp ứng nhu cầu cấp bách cho dịch bệnh, quốc phòng, an ninh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa; (2) Thực phẩm tươi sống, thực phẩm sơ chế chưa bao gói; (3) Thực phẩm chỉ để xuất khẩu, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm để xuất khẩu; (4) Nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm để sản xuất thực phẩm xuất khẩu hoặc chỉ phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức, cá nhân không tiêu thụ tại thị trường trong nước; (5) Thực phẩm dùng trong các chương trình viện trợ, viện trợ nhân đạo; (6) Thực phẩm làm mẫu kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, tham gia trưng bày tại triển lãm, hội chợ; (7) Nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm dùng để sản xuất thực phẩm đã được cấp giấy đăng ký bản công bố hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng.

Đối với các nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm sử dụng sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất có hại sẽ được tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát mà không phát sinh thêm thủ tục hành chính hay khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

+ Đối với kiểm tra giám sát trên thị trường: Ngoài các quy định hiện hành về kiểm tra, giám sát, phân tích nguy cơ, phòng ngừa ngăn chặn sự cố, khắc phục sự cố, truy xuất nguồn gốc hiện hành, giải pháp đưa ra các quy định phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay đang thiếu các quy định pháp lý về mức xử phạt tối đa, vai trò của hệ thống kiểm nghiệm, một cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm dùng chung cũng như tăng cường thông tin, truyền thông cho người dân ...

3. Chính sách 3: Số hóa và xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu an toàn thực phẩm quốc gia liên thông

3.1. Mục tiêu

- Từng bước hướng tới việc thực hiện việc quản lý an toàn thực phẩm bằng dữ liệu đã được số hóa và hệ thống thông tin dữ liệu quốc gia liên thông thúc đẩy công tác quản lý an toàn thực phẩm được đồng bộ, rút ngắn thời gian giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố, truy xuất nguồn gốc khi xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm cũng như công tác kiểm tra thực phẩm trong quá trình lưu thông trên thị trường.

- Xây dựng hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm thống nhất từ trung ương đến địa phương làm cơ sở quản lý an toàn thực phẩm trong toàn chuỗi cung ứng

3.2. Nội dung

- Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý an toàn thực phẩm, trong đó từng bước ứng dụng công nghệ trong công tác giải quyết thủ tục hành chính cũng như hoạt động phân tích nguy cơ, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố, truy xuất nguồn gốc, kiểm tra thực phẩm trong quá trình lưu thông trên thị trường

- Xây dựng một hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm thống nhất từ trung ương đến địa phương, trong đó có đầy đủ thông tin của cơ sở kinh doanh thực phẩm, toàn bộ vòng đời của từng thực phẩm từ sản xuất ban đầu đến sơ chế, chế biến, kinh doanh và lưu thông trên thị trường đến khi được sử dụng,

- Thực hiện phân cấp, phân quyền truy cập thông tin cho cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương theo lĩnh vực được phân công nhằm thực hiện công tác phân tích nguy cơ, phòng ngừa, ngăn chặn sự cố, khắc phục sự cố, truy xuất nguồn gốc kịp thời khi xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm.

3.3 Giải pháp:

3.3.1 Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật ATTP đồng thời tăng cường chia sẻ thông tin giữa các cấp, các ngành và đơn vị liên quan trên toàn quốc qua hệ thống thư điện tử

- Tăng cường việc chia sẻ thông tin giữa các cấp, các ngành và đơn vị liên quan trên toàn quốc, cụ thể:

+ Mỗi cơ quan quản lý an toàn thực phẩm tại mỗi cấp trung ương, tỉnh, xã đều phải đăng ký tài khoản thư điện tử để tiếp nhận và xử lý thông tin liên quan đến an toàn thực phẩm;

+ Quy định thời hạn xử lý cụ thể từ khi tiếp nhận xử lý sự cố an toàn thực phẩm phải thông báo qua hệ thống thư điện tử đã được đăng ký đến các cấp, các ngành và đơn vị liên quan;

+ Quy định thời hạn xử lý cụ thể khi nhận được yêu cầu của các đơn vị đề nghị cung cấp thông tin liên quan đến cơ sở kinh doanh thực phẩm, thực phẩm đang lưu thông và các thông tin khác về an toàn thực phẩm, cơ quan được xin ý kiến phải thực hiện cung cấp thông tin cho hệ thống thư điện tử đã được đăng ký.

3.3.1 Giải pháp 2: Cơ quan quản lý nhà nước tại trung ương, tại từng tỉnh, xã chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm theo phạm vi quản lý. Thực hiện kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu tại trung ương, tỉnh, xã với cổng thông tin quốc gia.

- Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm tại trung ương, tại mỗi tỉnh, xã chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm trong phạm vi quản lý, bao gồm: thông tin của cơ sở kinh doanh thực phẩm, toàn bộ vòng đời của từng thực phẩm từ khi sản xuất, lưu thông đến khi được sử dụng và các thông tin khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm. Tùy theo tình hình kinh tế xã hội, mà các thông tin cần thu thập sẽ được thay đổi cho phù hợp theo thực tiễn;

- Giao Chính phủ quy định chi tiết về thông tin cần thu thập, đối tượng và trách nhiệm kê khai, cung cấp thông tin và trách nhiệm của cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm tại các cấp và các Bộ, ngành liên quan trong việc kết nối chia sẻ cơ sở dữ liệu lên cổng thông tin quốc gia.

3.3.2 Giải pháp 3. Tăng cường chuyển đổi số trong quản lý an toàn thực phẩm thông qua ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý an toàn thực phẩm, thực hiện hoạt động phòng ngừa, xử lý sự cố, truy xuất nguồn gốc trên cơ sở dữ liệu

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý an toàn thực phẩm:

+ Số hóa toàn bộ dữ liệu và xử lý toàn bộ thủ tục hành chính trong toàn bộ vòng đời thực phẩm trên môi trường mạng, ứng dụng công nghệ trong quản lý an toàn thực phẩm để bảo đảm minh bạch thông tin, truy xuất nguồn gốc, kết nối và chia sẻ dữ liệu, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn và hội nhập quốc tế.

+ Ứng dụng công nghệ (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ số tiên tiến...) trong các hoạt động kiểm nghiệm, phân tích nguy cơ, phòng ngừa, ngăn chặn sự cố, khắc phục sự cố và truy xuất nguồn gốc, thu hồi xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm đối với thực phẩm, bao gồm:

(1) Quản lý chuỗi cung ứng thông qua mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc, nhãn điện tử và nền tảng số;

(2) Thu thập, lưu trữ, phân tích dữ liệu phục vụ kiểm tra, kiểm tra sau lưu thông trên thị trường, thanh tra, cảnh báo và xử lý vi phạm;

+ Việc ứng dụng công nghệ số, nhãn điện tử, mã số, mã vạch và hệ thống truy xuất nguồn gốc phải bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu trong toàn bộ quá trình thu thập, lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu; phải tuân thủ nguyên tắc về bảo mật thông tin, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện quản lý an toàn thực phẩm trên cơ sở xây dựng, vận hành hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm.

- Dự kiến giao Chính phủ quy định:

+ Xây dựng hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm thống nhất từ trung ương đến địa phương, từng bước chuyển đổi số quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi cung ứng với các thông tin dự kiến cần thu thập cho hệ thống, cụ thể như sau:

(1) Thông tin của cơ sở kinh doanh thực phẩm;

(2) Thông tin về vòng đời của từng thực phẩm từ khi sản xuất, lưu thông đến khi được sử dụng;

(3) Các thông tin phản ánh về tình trạng vi phạm hoặc sự cố về an toàn thực phẩm;

(4) Các thông tin khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm.

Tùy theo tình hình kinh tế xã hội, mà các thông tin cần thu thập sẽ được thay đổi cho phù hợp theo thực tiễn.

+ Việc kết nối liên thông với dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, dữ liệu xuất, nhập khẩu thực phẩm do Bộ Tài chính quản lý; dữ liệu về cơ sở sản xuất ban đầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, dữ liệu về cơ sở xuất, nhập khẩu của Bộ Công Thương, cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của Bộ Khoa học và Công nghệ và các dữ liệu của các Bộ, ngành khác theo yêu cầu quản lý.

+ Lộ trình yêu cầu các cơ sở kinh doanh thực phẩm lưu trữ đầy đủ các thông tin liên quan dưới dạng cơ sở dữ liệu trong quá trình kinh doanh và cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu và lộ trình kết nối với hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm.

+ Phân quyền truy cập thông tin và trách nhiệm của cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm tại các cấp và các bộ, ngành liên quan trong việc kết nối, chia sẻ hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm từ trung ương đến địa phương, giữa các bộ ngành và kết nối, liên thông với cổng thông tin quốc gia theo quy định của pháp luật về dữ liệu.

3.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Y tế lựa chọn giải pháp 3 là giải pháp tối ưu được lựa chọn, lý do:

- Giải pháp 1: Mặc dù không phát sinh chi phí xây dựng hệ thống nhưng không đảm bảo thông tin được tiếp cận kịp thời, đồng thời việc tổng hợp theo dõi số liệu mất nhiều thời gian, với số lượng nhân sự ít, khối lượng công việc nhiều sẽ không đảm bảo được mục tiêu đề ra của chính sách;

- Giải pháp 2: Về ưu điểm, giải pháp này cho phép tận dụng được cơ sở dữ liệu mà các địa phương đã có, kinh phí thực hiện cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu do cơ quan quản lý an toàn thực phẩm tại trung ương, ủy ban nhân dân các tỉnh, xã chủ động phù hợp với khả năng của địa phương. tuy nhiên lại có nhược điểm các cơ sở dữ liệu có thể được xây dựng theo các phần mềm khác nhau nên sẽ gặp khó khăn khi đồng bộ kết nối với cổng thông tin điện tử quốc gia;

- Giải pháp 3: Việc số hóa không chỉ để lưu trữ dữ liệu mà để phản ứng nhanh, kết nối đa ngành, việc xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu để có thể quản lý đồng bộ, thực hiện việc giám sát, kiểm tra phân tích nguy cơ, phòng ngừa ngăn chặn sự cố, khắc phục sự cố, truy xuất nguồn gốc thực phẩm lưu thông trên thị trường được nhanh chóng, kịp thời đáp ứng được mục tiêu bảo đảm sức khỏe nhân dân, chất lượng giống nòi dân tộc. Dữ liệu về an toàn thực phẩm sẽ liên thông với dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, dữ liệu sản xuất ban đầu, ứng dụng công nghệ nhận diện điện tử để truy xuất vòng đời thực phẩm từ sản xuất ban đầu tới khi lưu thông. Ngoài ra, giải pháp này cũng góp phần minh bạch thông tin: Người dân có quyền tiếp cận thông tin về tình trạng vi phạm hoặc sự cố ATTP thông qua hệ thống dữ liệu quốc gia thống nhất. Cơ quan quản lý từ Trung ương đến địa phương được cấp quyền truy cập để kịp thời khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc sự cố.

4. Chính sách 4: Nâng cao hiệu quả quản lý thức ăn đường phố và loại hình cung cấp suất ăn tập thể.

4.1. Mục tiêu

Nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các vụ ngộ độc thực phẩm gây ra bởi thức ăn đường phố, loại hình cung cấp suất ăn tập thể đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người tiêu dùng.

4.2. Nội dung

- Tăng cường trách nhiệm của người kinh doanh thức ăn đường phố, loại hình cung cấp suất ăn tập thể.

- Tăng cường trách nhiệm quản lý giám sát của chính quyền địa phương trong phối hợp liên ngành để quản lý việc kinh doanh thức ăn đường phố, loại hình cung cấp suất ăn tập thể trên địa bàn quản lý.

4.3. Giải pháp

4.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật an toàn thực phẩm 2010

- Quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với nơi bày bán thức ăn đường phố, nguyên liệu, dụng cụ ăn uống, chứa đựng thực phẩm và người kinh doanh thức ăn đường phố.

- Giao Bộ Y tế quy định cụ thể đối với điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh thức ăn đường phố

- Quy định trách nhiệm quản lý thức ăn đường phố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

4.3.2 Giải pháp 2: Thực hiện hậu kiểm hoạt động kinh doanh thức ăn đường phố, loại hình cung cấp suất ăn tập thể nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Người kinh doanh thức ăn đường phố, cung cấp suất ăn tập thể không phải thực hiện kê khai thông tin và đăng ký địa điểm kinh doanh, nguồn thực phẩm.

- Các quy định về xử lý sự cố, truy xuất nguồn gốc, trách nhiệm của chính quyền địa phương được quy định giống giải pháp 3.

4.3.3 Giải pháp 3: Triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh thức ăn đường phố, loại hình cung cấp suất ăn tập thể nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm bao gồm cả trước và sau khi lưu thông trên thị trường.

- Tiếp tục kế thừa quy định của Luật hiện hành về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với nơi bày bán thức ăn đường phố, nguyên liệu, dụng cụ ăn uống, chứa đựng thực phẩm và người kinh doanh thức ăn đường phố và bổ sung thêm đối tượng áp dụng đối với loại hình cung cấp suất ăn tập thể.

- Tiếp tục quy định cơ sở cung cấp thức ăn đường phố, suất ăn tập thể phải đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm về địa điểm kinh doanh, dụng cụ ăn uống, chứa đựng thực phẩm, nguyên liệu và phụ gia thực phẩm, người trực tiếp kinh doanh về vệ sinh, và tài liệu chuyên môn kỹ thuật, để đảm bảo tuân thủ, cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm, lưu mẫu thực phẩm, xử lý sự cố khi xảy ra mất an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc thực phẩm gây ngộ độc và truyền bệnh;

- Quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh thức ăn đường phố, cung cấp suất ăn tập thể, bao gồm:

+ Lưu giữ thông tin về nguồn gốc nguyên liệu bằng hóa đơn, chứng từ, sổ ghi chép hoặc hình thức phù hợp khác để phục vụ truy xuất nguồn gốc khi cần thiết;

+ Thực hiện cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm và thông báo với cơ quan có thẩm quyền tại địa phương về thông tin cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh thức ăn đường phố, cung cấp suất ăn tập thể .

- Giao Chính phủ quy định trách nhiệm của UBND xã trong việc phối hợp liên ngành để quản lý các loại hình trên bao gồm:

+ Thực hiện việc lập danh mục theo dõi cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố, cơ sở cung cấp suất ăn tập thể trên địa bàn;

- + Thực hiện thanh tra, kiểm tra, điều kiện an toàn thực phẩm của các cơ sở;
- + Thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn sự cố về an toàn thực phẩm, ngộ độc thực phẩm; tiếp nhận phản ánh và báo cáo nhanh;
- + Tăng cường giám sát, xử lý và khắc phục các sự cố an toàn thực phẩm và các vụ ngộ độc thực phẩm và triển khai công tác kiểm tra, giám sát, quản lý cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố, cơ sở cung cấp suất ăn tập thể trên địa bàn;
- + Cập nhật thông tin vi phạm, cảnh báo, ngộ độc vào hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm định kỳ hoặc đột xuất theo vụ việc.

4.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Y tế lựa chọn giải pháp 3 là giải pháp tối ưu được lựa chọn, lý do:

- Giải pháp 1: mặc dù có ưu điểm là không phát sinh thêm thủ tục hay chi phí quản lý tuy nhiên các quy định lại chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hiện nay khi số lượng các vụ việc ngộ độc thực phẩm đang diễn ra ngày càng phức tạp và không chỉ tồn tại ở loại hình kinh doanh thức ăn đường phố, chưa có quy định pháp lý cho các loại hình kinh doanh như cung cấp suất ăn tập thể là nơi có nguy cơ cao gây ra các vụ ngộ độc thực phẩm tập thể với số lượng người lớn.
- Giải pháp 2: không yêu cầu đăng ký trước khi thực phẩm được lưu thông trên thị trường sẽ giảm thủ tục cho người kinh doanh nhưng gây nguy cơ không kiểm soát được khi xảy ra vụ việc mất an toàn thực phẩm đường phố, loại hình suất ăn tập thể.
- Giải pháp 3: kiểm soát chặt chẽ đối với thức ăn đường phố, loại hình suất ăn tập thể vì đối tượng sử dụng các thực phẩm này rất lớn, đặc biệt là trong các cơ sở giáo dục, Giải pháp này góp phần tăng cường “trách nhiệm kép” của người kinh doanh thức ăn đường phố, cung cấp suất ăn tập thể cũng như trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đồng thời vẫn đảm bảo môi trường thuận lợi cho việc kinh doanh thực phẩm cũng như không gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

5. Chính sách 5: Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo hướng thống nhất đầu mối từ Trung ương đến địa phương

5.1. Mục tiêu

- Thống nhất một đầu mối thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ Trung ương đến địa phương.
- Phân cấp, phân quyền tối đa nhằm nâng cao vai trò của chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm bảo đảm một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thực phẩm từ Trung ương tới địa phương.

5.2. Nội dung

- a) Giao Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về thực phẩm cho đầu mối duy nhất là Bộ Y tế, theo đúng Chỉ thị 17-CT/TW ngày 21/10/2022 và Kết luận số 15-TB/BCĐTW của Tổng Bí thư Tô Lâm tại cuộc họp ngày 17/03/2026.
- b) Tăng cường trách nhiệm của UBND các cấp trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm tại địa phương.

5.3. Giải pháp

5.3.1. Giải pháp 1. Giữ nguyên như Luật An toàn thực phẩm 2010

- Bộ Y tế là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đồng thời chịu trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, thực phẩm chức năng và các thực phẩm khác theo quy định của Chính phủ;

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản, rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả, trứng và các sản phẩm từ trứng, sữa tươi nguyên liệu, mật ong và các sản phẩm từ mật ong, thực phẩm biến đổi gen, muối và các nông sản thực phẩm khác theo quy định của Chính phủ;

- Bộ Công Thương quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột và tinh bột và các thực phẩm khác theo quy định của Chính phủ;

- UBND các cấp chịu trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng theo phân cấp quản lý.

5.3.2. Giải pháp 2. Quy định một đầu mối cơ quan quản lý an toàn thực phẩm tại Trung ương trực thuộc Bộ Y tế; thành lập Sở An toàn thực phẩm trực thuộc UBND cấp tỉnh, tiếp nhận thêm các chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương; thành lập Đội An toàn thực phẩm trực thuộc UBND cấp xã để tăng cường năng lực thực thi về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm cho cấp xã.

- Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước của đầu mối cơ quan quản lý an toàn thực phẩm trực thuộc Bộ Y tế thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, cụ thể:

+ Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, chiến lược, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm;

+ Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm;

+ Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm.

- UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý và thành lập Sở An toàn thực phẩm trực thuộc UBND cấp tỉnh, trên cơ sở

tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, nhân sự và cơ sở vật chất (nếu có) liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm của các đơn vị trực thuộc của Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương để thực hiện các chức năng:

- + Giải quyết thủ tục hành chính theo sự phân công của Chính phủ;
- + Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu; tổ chức, quản lý, kiểm tra hệ thống kiểm nghiệm thực phẩm;
- + Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn sự cố, xác định và xử lý sự cố về an toàn thực phẩm và phối hợp trong ứng phó khẩn cấp sự cố về an toàn thực phẩm; quản lý, giám sát, xử lý vi phạm về sản phẩm thực phẩm lưu thông trên địa bàn quản lý;
- + Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm cho người dân trong phạm vi địa phương.
- Đối với cấp xã:
 - + Thành lập Đội An toàn thực phẩm là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có chức năng thực thi để triển khai nhiệm vụ giám sát, kiểm tra và lập biên bản vi phạm về an toàn thực phẩm tại địa bàn.
 - + Căn cứ vào điều kiện đặc thù tại từng địa phương, UBND cấp tỉnh có thể tiếp tục phân cấp, phân quyền cho UBND cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

5.3.3. Giải pháp 3. Quy định chỉ có 1 cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ Trung ương đến địa phương, trên cơ sở các cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của ngành Y tế tại cấp Trung ương, cấp Tỉnh, cấp Xã, tiếp nhận các chức năng, nhiệm vụ, nhân sự, cơ sở vật chất (nếu có) liên quan đến quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của ngành Nông nghiệp và Môi trường và ngành Công Thương.

- Chính sách quy định tại dự thảo Luật trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế, cụ thể:
 - + Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, chiến lược, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm;
 - + Quản lý an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung ứng thực phẩm;
 - + Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung ứng thực phẩm.

- Kịch bản hoạt động của 10 Chi cục An toàn thực phẩm trực thuộc Sở Y tế, 15 Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế và 8 Phòng An toàn thực phẩm thuộc Sở Y tế, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trên, tổ chức thống nhất

Chi cục An toàn thực phẩm trực thuộc Sở Y tế, tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ, nhân sự và cơ sở vật chất (nếu có) liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Môi trường. Tiếp tục tổ chức Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với thành phố Hà Nội, căn cứ điều kiện, yêu cầu thực tiễn để xem xét, quyết định việc tổ chức Sở An toàn thực phẩm theo quy định của Luật Thủ đô, bao gồm:

- + Giải quyết thủ tục hành chính theo sự phân công của Chính phủ;
 - + Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm xuất nhập khẩu; tổ chức, quản lý, kiểm tra hệ thống kiểm nghiệm thực phẩm;
 - + Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn sự cố, xác định và xử lý sự cố về an toàn thực phẩm và phối hợp trong ứng phó khẩn cấp sự cố về an toàn thực phẩm; quản lý, giám sát, xử lý vi phạm về sản phẩm thực phẩm lưu thông trên địa bàn quản lý;
 - + Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm cho người dân trong phạm vi địa phương.
- Đối với cấp xã:
- + Hợp nhất chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực phân công của ngành Nông nghiệp và Môi trường, ngành Công Thương tại cấp xã từ phòng Kinh tế về phòng Văn hóa – Xã hội trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó bố trí khoảng 02 biên chế công chức chuyên trách về an toàn thực phẩm trong tổng số biên chế được giao của địa phương tại Phòng Văn hóa – Xã hội hoặc Phòng Kinh tế - Xã hội (trường hợp địa phương không có phòng Văn hóa - Xã hội).
 - + Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội (diện tích, dân số, mức độ đô thị hóa, biến động dân cư); mạng lưới cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ (làng nghề; chợ dân sinh); mạng lưới cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống không đăng ký kinh doanh (bếp ăn tập thể trong trường học, nhà máy, xí nghiệp; cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố; cơ sở kinh doanh lưu động); mức độ nguy cơ về ngộ độc thực phẩm (số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể, số nhập viện, số tử vong); mức độ vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (số vụ vi phạm, số tiền xử phạt hành chính, số vụ chuyển sang cơ quan công an...), chính quyền địa phương quyết định việc thành lập Phòng An toàn thực phẩm trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

+ UBND cấp xã thành lập tổ chức liên ngành do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã là người đứng đầu, thành viên là đại diện Phòng chuyên môn, Công an, Y tế... theo cơ chế kiêm nhiệm để phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra an toàn thực phẩm trên địa bàn.

+ Căn cứ vào điều kiện đặc thù tại từng địa phương, UBND cấp tỉnh có thể tiếp tục phân cấp, phân quyền cho UBND cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

5.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Y tế lựa chọn giải pháp 3 là giải pháp tối ưu được lựa chọn, lý do:

Đây là phương án tối ưu trong giai đoạn hiện nay do bảo đảm cân bằng giữa yêu cầu cải cách và tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Chuyển từ "kiểm soát từng khâu riêng lẻ" sang "một đầu mối" giúp giảm sự chồng chéo giữa 3 Bộ (Y tế, Nông nghiệp, Công Thương). Phương án này vừa khắc phục được các bất cập của mô hình quản lý phân tán, vừa hạn chế rủi ro xáo trộn hệ thống trong bối cảnh sắp xếp chính quyền địa phương, đồng thời tạo nền tảng để từng bước hoàn thiện mô hình quản lý an toàn thực phẩm theo hướng tập trung, hiện đại trong dài hạn. Mô hình “một đầu mối – đa cấp thực thi” bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm gắn với phân cấp, phân quyền rõ ràng, phù hợp định hướng của Đảng và Chính phủ về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và trách nhiệm giải trình của địa phương. Thực tiễn từ mô hình Sở An toàn thực phẩm TP. Hồ Chí Minh cho thấy hiệu quả rõ rệt của cách tiếp cận này.

- Giải pháp 1: Chưa thể hiện được sự cải cách và hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo hướng thống nhất một đầu mối từ Trung ương đến địa phương.

Ngành Y tế được phân công quản lý đối với 6/33 nhóm sản phẩm và Bộ Y tế được giao là đầu mối quản lý về an toàn thực phẩm; Ngành NN&MT được phân công quản lý ATTP đối với 19/33 nhóm sản phẩm; Ngành Công Thương: Được phân công quản lý đối với 8/33 nhóm ngành hàng về ATTP. Mặc dù bộ máy tổ chức được giữ nguyên, không phát sinh chi phí sắp xếp lại hệ thống tổ chức, không làm xáo trộn công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, Bộ Y tế, Bộ NN&MT, Bộ Công Thương đều tham gia vào công tác quản lý an toàn thực phẩm dẫn đến chồng chéo trách nhiệm, khó khăn trong phối hợp và thiếu rõ ràng trong việc xác định ai chịu trách nhiệm chính trong một số vấn đề cụ thể. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến lãng phí nguồn lực trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, manh mún trong chỉ đạo và xử lý sự cố về an toàn thực phẩm..

- Với giải pháp 2: Thể hiện được sự hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo hướng thống nhất một đầu mối từ Trung ương đến địa phương

nhưng làm phát sinh thêm nguồn lực quá lớn và tác động đến Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị định hướng dẫn

Ưu điểm: Việc thành lập Sở ATTP sẵn có và tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ, nhân sự và cơ sở vật chất (nếu có) liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm của Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương có thể giúp chuyên môn hóa ngành ATTP, thống nhất một đầu mối tại cấp tỉnh về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Việc thành lập Đội An toàn thực phẩm giúp tăng cường năng lực thực thi cho UBND cấp xã.

Nhược điểm: Sở ATTP là đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh, nên việc thành lập đòi hỏi rất nhiều nguồn lực bảo đảm. Ngoài ra, theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nghị định kèm theo, mỗi tỉnh, thành phố (ngoại trừ TP Hà Nội và TP HCM) chỉ được tổ chức tối đa 14 Sở. Việc thành lập thêm Sở ATTP yêu cầu rà soát kỹ lưỡng văn bản pháp luật và đánh giá tác động, nếu thêm Sở thì tác động lớn đến bộ máy quản lý nhà nước. Ngoài ra, việc tắt cả các tỉnh, thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm và tắt cả các xã thành lập Đội An toàn thực phẩm sẽ làm tăng đầu mối hành chính trong bối cảnh cả hệ thống đang yêu cầu tinh gọn, đặc biệt là làm tăng nguồn nhân lực tại cấp xã do số lượng đơn vị xã hiện nay vẫn còn rất nhiều (3.321 đơn vị). Nhiều tỉnh, thành phố hiện nay chưa sẵn sàng để thành lập Sở ngay nên có thể sẽ cần phải có lộ trình chuyển tiếp kéo dài, gây gián đoạn, ảnh hưởng đến sự nhất quán trong quản lý nhà nước cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm của doanh nghiệp.

- Với giải pháp 3: Vừa thể hiện được sự hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo hướng thống nhất một đầu mối từ Trung ương đến địa phương; vừa làm hài hòa, cân bằng với nguồn lực, pháp lý hiện có

Ưu điểm:

TP Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt tập trung nhiều vấn đề về an toàn thực phẩm nên việc thành lập Sở An toàn thực phẩm thuận lợi hơn trong việc kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính cũng như phối hợp với các Sở chuyên ngành liên quan (như Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương). Bên cạnh đó, do Sở có nguồn tài chính độc lập nên có thể chủ động trong công tác xây dựng năng lực mạng lưới cơ sở trên toàn địa bàn tỉnh, thành phố, ngoài ra Sở An toàn thực phẩm chủ động phối hợp với cơ quan công an, hải quan, quản lý thị trường mà không cần qua bước trung gian.

TP Hà Nội cũng là đô thị đặc biệt tương tự như TP Hồ Chí Minh nên việc thành lập Sở An toàn thực phẩm cũng rất cần thiết và mang tính khả thi cao. Về cơ sở pháp lý, tại điểm d khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô 2026, Hội đồng nhân dân có thẩm quyền quy định số lượng, việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; quyết định thay đổi tên gọi, điều chỉnh

chức năng của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố. Về cơ sở thực tiễn, phương án này đã có kết quả triển khai và bài học kinh nghiệm từ mô hình thí điểm của Sở An toàn thực phẩm TP Hồ Chí Minh.

Với các tỉnh, thành phố còn lại, việc thành lập Chi cục An toàn thực phẩm có thể thực hiện ngay và thực hiện đồng nhất theo chiến lược chung của cấp Trung ương (Cục An toàn thực phẩm Việt Nam).

Tại cấp xã, giải pháp tùy điều kiện địa phương, thành lập Phòng An toàn thực phẩm trực thuộc UBND cấp xã giúp hài hòa giữa việc tăng cường năng lực thực thi tuyến cơ sở và việc bảo đảm tính pháp lý của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (Nghị định 370/2025/NĐ-CP)

Nhược điểm: Hiện nay năng lực quản lý an toàn thực phẩm của địa phương không đồng đều. Nhiều tỉnh hiện thiếu cán bộ chuyên sâu về lĩnh vực thực phẩm, kiểm nghiệm. Do đó, khi thống nhất về một cơ quan đầu mối sự chuẩn bị về nguồn lực, nhân lực cho phù hợp cũng sẽ mất nhiều nguồn lực và kinh phí thực hiện.

VI. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

Không có

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Về nguồn nhân lực

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới và Thông báo số 15/TB/BCĐTW ngày 17/3/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp quý I/2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo, việc xây dựng một đầu mối thống nhất quản lý an toàn thực phẩm sẽ được thực hiện từ trung ương đến địa phương. Nhân lực để thực hiện nhiệm vụ về quản lý an toàn thực phẩm từ trung ương và các địa phương được huy động từ các cơ quan hiện đang thực thi nhiệm vụ sẽ được tập trung lại ở các đầu mối từ trung ương đến địa phương.

2. Về nguồn lực tài chính

Để triển khai thực thi Luật, cần bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện một số hoạt động, cụ thể:

- Kinh phí xây dựng liên quan đến hoàn thiện cơ quan quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương dự kiến 1.000.000.000.000 đồng

- Kinh phí xây dựng văn bản hướng dẫn, thi hành Luật: Để hướng dẫn thi hành Luật, dự kiến xây dựng 01 Nghị định quy định chi tiết và sửa đổi thay thế khoảng 70 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế, vì vậy, kinh phí xây dựng văn bản quy định chi tiết là 900.000.000 đồng/Nghị định và 350.000.000 đồng/Thông tư, dự kiến tổng kinh phí xây

dựng văn bản hướng dẫn là: 25.400.000.000 đồng.

- Kinh phí phổ biến, tuyên truyền Luật; nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng của các cán bộ, công chức, viên chức thực thi chính sách được quy định trong Luật: Tổ chức các buổi phổ biến, tuyên truyền Luật, dự toán kinh phí khoảng 1.200.000.000 đồng

- Không làm phát sinh kinh phí để xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm vì kinh phí xây dựng hệ thống này đã được đánh giá trong quá trình xây dựng Luật Dữ liệu và Nghị định số 102/2025/NĐ-CP quy định quản lý dữ liệu y tế, trong đó tại khoản 8 Điều 5 phạm vi của dữ liệu y tế bao gồm "thông tin về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế" và hiện nay, Bộ Y tế đang triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm.

VIII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI DỰ ÁN LUẬT ATTP (SỬA ĐỔI)

Thời gian dự kiến trình Quốc hội xem xét và thông qua tại Kỳ họp thứ hai Quốc hội Khóa XVI.

Trên đây là Tờ trình chính sách Luật ATTP (sửa đổi), Bộ Y tế kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; (2) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách; (4) Báo cáo tổng kết thi hành Luật ATTP 2010; (5) Báo cáo thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (6) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách và các đơn vị liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, ATTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Xuân Tuyên